

Số: 2178811

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Luxury                      | Mazda6 2.5L Signature Premium (GTCCC) |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>949.000.000đ</b>                            | <b>874.000.000đ</b>                   |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                |                                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             | 4865 x 1840 x 1450                    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           | 2830                                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           | 5600                                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            | 165                                   |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                           | 1550                                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                           | 2000                                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            | 480                                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                             | 62                                    |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              | 5                                     |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               | SX-LR trong nước                      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                |                                       |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                | Skyactiv-G 2.5L                       |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           | 2488                                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     | 188 / 6000                            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     | 252 / 4000                            |
| Hộp số                                         | 6AT                                            | 6AT                                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                | Cầu trước (FWD)                       |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             | Độc lập Mc Pherson                    |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               | Liên kết đa điểm                      |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            | Đĩa                                   |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            | Đĩa                                   |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     | 225/45 R19                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 12.91                                          | 9.57                                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.73                                           | 5.33                                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.75                                           | 6.89                                  |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              | ●                                     |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                 | Normal/Sport                          |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |                                       |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                |                                       |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  | LED                                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              | ●                                     |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH                   | Đèn thích ứng thông minh ALH          |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              | ●                                     |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      |                                       |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              | ●                                     |
| Đèn sương mù                                   | LED                                            | LED                                   |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            | LED                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                              | ●                                     |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              | ●                                     |

|                                                 |                                  |                         |
|-------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| Cửa sổ trời                                     | ●                                | ●                       |
| Trang bị khác                                   | Đèn pha thích ứng thông minh ALH |                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                    |                                  |                         |
| Vô lăng bọc da                                  | ●                                | ●                       |
| Chất liệu ghế                                   | Da Nappa Nâu Đỏ                  | Da (Nappa)              |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                                | ●                       |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●                                | ●                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●                                | ●                       |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                                | ●                       |
| Màn hình HUD                                    | ●                                | ●                       |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 8"                               | 8                       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ● (Không dây)                    | ●                       |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                                | ●                       |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 3                                | 2                       |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                                | ●                       |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                                | ●                       |
| Khởi động nút bấm                               | ●                                | ●                       |
| Hệ thống âm thanh                               | 10 loa Bose                      | 11 loa Bose             |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                                | ●                       |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                                | ●                       |
| Rèm che nắng                                    | Chỉnh tay                        | ● (Chỉnh điện phía sau) |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                                | ●                       |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                                  |                         |
| Số túi khí                                      | 6                                | 6                       |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                | ●                       |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                | ●                       |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                | ●                       |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                                | ●                       |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                | ●                       |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                                | ●                       |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                | ●                       |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                | ●                       |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                | ●                       |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước/Sau                        | Trước & Sau             |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                                | ●                       |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                                | ●                       |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360)                   | ● (Camera 360)          |